

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ- ST

Ngày 05-01-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Văn Ngừ.

- Ông Phạm Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021. Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXX- ST ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ng; năm sinh 1991.

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Tổ 5A, thị trấn P, huyện B1, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Bị đơn: Anh Đoàn Mạnh T; năm sinh: 1991.

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 09/10/2020 và lời khai tiếp theo, qua hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Ng trình bày: Chị Ng và anh Đoàn Mạnh T kết hôn với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh T không chịu làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc, mất

tiền ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc, từ đó dẫn đến hai vợ chồng không có hạnh phúc, cuộc sống luôn căng thẳng, mệt mỏi, nhiều lần anh T chửi bới, sỉ nhục, đánh đập tôi trong bữa ăn, không coi tôi ra gì. Vợ chồng sống không có tình cảm với nhau, anh T nhiều lần vứt đồ đạc của tôi ra đường và đuổi chị ra khỏi nhà. Vì thương con, thương bố mẹ hai bên nội, ngoại nên chị đã cam chịu, bỏ qua cho anh T, nhưng anh T không thay đổi mà thời gian gần đây còn thiếu tôn trọng cả gia đình bố mẹ ruột tôi. Ngày 08/9/2020 chị Ng đưa con trai về nhà bố mẹ đẻ ở B1 chơi, khi đến nơi bố mẹ đẻ chị Ng đã gọi điện cho ông T1 (bố đẻ anh T) để thông báo là mẹ con đã đến nơi. Anh T biết tin nên gọi điện xuống bảo chị Ng đưa con về luôn, nếu không thì sẽ đốt nhà bố mẹ chị Ng, chửi cả bố mẹ chị Ng không ra gì, nhưng vì mới xuống, có ý định chơi với bố mẹ đẻ mấy hôm nên chị Ng chưa về. Mấy hôm sau, anh T và bố anh T xông vào nhà bố mẹ chị Ng không xin phép mà có hành vi hung hăng, áp đảo, giằng co, đùn đẩy mẹ chị Ng, đánh anh trai chị Ng rồi bế con ra khỏi nhà và đưa về B ở, từ đó chị Ng ở lại B1 để đi làm thuê. Đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được chị Ng làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Mạnh T.

Về con chung: Nguyên đơn xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung, là cháu Đoàn Mạnh T2, sinh ngày 31/5/2017. Sau khi ly hôn chị Ng có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Ng được nuôi cháu T2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Ng không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị Ng đang làm tại Cửa hàng xe điện Mẫn Hiền tại thị trấn P, huyện B1 với mức lương 5.000.000 đồng và làm thêm tại Quán Com. Có thu nhập và có nơi ở ổn định và đủ điều kiện nuôi con mà không cần anh Toàn phải cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị Phạm Thị Ng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đoàn Mạnh T trình bày: Anh hoàn toàn nhất trí về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị Ng trình bày. Mâu thuẫn của chúng tôi là do cô Ng tự ý bỏ nhà và mang con đi về nhà ông bà ngoại dưới B1 mà không nói gì cho tôi, tôi cùng bố tôi và anh rể phải đi về tận nơi để đón cô Ng và con nhưng bên nhà vợ tôi không cho vào nhà, không cho đón con về dẫn đến hai bên xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù tôi đã hai lần xuống đón mẹ con cô Ng về, nhưng bố mẹ vợ tôi không cho về. Cô Ng ở lại B1 từ ngày 08/9/2020 cho đến nay. Nay cô Ng làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn, tôi nhất trí ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Bị đơn anh T xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Đoàn Mạnh T2 sinh ngày 31/5/2017. Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu T2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang

làm thợ xây, chăn nuôi, trồng trọt tại địa phương, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng, ngoài ra còn làm thêm ở Công ty khai thác đá trắng. Cháu T2 đang ở với anh T và cho cháu đi học tại Trường mầm non của thôn B ở gần nhà, anh không muốn thay đổi môi trường sống của cháu.

Về tài sản: Không đề nghị Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi hoà giải các đương sự xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn; Về con chung: Chị Phạm Thị Ng và anh Đoàn Mạnh T đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đoàn Mạnh T2 nên không thỏa thuận được về nuôi con sau ly hôn.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự thực hiện đúng qui định theo Điều 70; 71; 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Ng và anh Đoàn Mạnh T; Về con chung: Do cháu T2 còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đoàn Mạnh T2 cho chị Phạm Thị Ng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh Đoàn Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí, chị Phạm Thị Ng phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Chị Phạm Thị Ng có Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh Đoàn Mạnh T. Chị Ng và anh T có hộ khẩu và địa chỉ thường trú tại huyện B và huyện B1, tỉnh Lào Cai. Theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ng và anh Đoàn Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai, đây là hôn nhân hợp pháp, hoàn toàn tự nguyện được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm vợ chồng không thống nhất trong

làm ăn phát triển kinh tế gia đình không tôn trọng nhau, hay xảy ra cãi cọ lẫn nhau, từ những mâu thuẫn nhỏ nhưng chị Ng và anh T không khắc phục được và thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài và lặp lại nhiều lần nhưng không có sự cải thiện. Tháng 9 năm 2020 chị Ng đưa cháu T2 về thị trấn P, huyện B1 sống cùng bố mẹ đẻ, đăng ký tạm trú và làm thuê tại P, huyện B1. Anh T đã xuống đón nhưng không thành và đã đưa cháu T2 về nhà tại xã B, huyện B. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Phạm Thị Ng đã làm đơn xin ly hôn anh Đoàn Mạnh T.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Mặc dù thời gian chung sống với nhau giữa chị Ng và anh T là chưa nhiều, tuy nhiên trong khoảng thời gian đó chủ yếu là mâu thuẫn gia đình chứ không có hạnh phúc. Trong hôn nhân cả hai anh chị đã không ý thức được trách nhiệm của người vợ, người chồng để bảo ban nhau cùng làm ăn xây dựng, phát triển kinh tế gia đình. Mâu thuẫn xảy ra, cả hai anh chị đã không có biện pháp tháo gỡ và khắc phục, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Ng và anh T là có, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm và hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được. Qua các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị Ng và anh T đều có nguyện vọng được ly hôn, vì vậy, nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ nuôi con chung khi ly hôn: Chị Ng và anh T đều thừa nhận có một con chung là cháu Đoàn Mạnh T2 - sinh ngày 31/5/2017. Quá trình giải quyết vụ án thông qua các phiên hòa giải và tại phiên tòa, cả hai anh chị đều có nguyện vọng xin được nuôi cháu T2 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét về điều kiện và khả năng nuôi con của hai anh chị là như nhau, anh chị đều có thu nhập ổn định. Từ khi sinh ra cho đến nay cháu Đoàn Mạnh T2 luôn sống cùng với chị Ng và anh T. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì thấy rằng: Hiện tại chị Ng và anh T đều là lao động tự do có công việc, đều có nhà ở ổn định (mặc dù không phải là tài sản riêng), không ai vi phạm đạo đức và mắc bệnh xã hội. Do vậy, cả chị Ng và anh T đều có đủ điều kiện để được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu con chung. Cháu T2 hiện nay mới được hơn 3 tuổi, cái tuổi cần sự gần gũi, chăm sóc yêu thương của người mẹ nhiều hơn và trên thực tế từ khi sinh ra cháu T2 luôn được chị Ng gần gũi và chăm sóc cháu đầy đủ, đảm bảo mọi điều kiện về vật chất và tinh thần để cháu T2 phát triển bình thường.

Đối với anh T công việc chính là làm nông nghiệp và làm thợ xây nên ngoài việc đi làm hàng ngày thì còn phải đi làm xa nhà khi nhận công trình. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em trong vụ án Ly hôn, xét thấy cần giao cháu Đoàn Mạnh T2 - sinh ngày 31/5/2017 cho chị Phạm Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành là

hợp lý, phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, chị Ng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, đó là sự tự nguyện của chị nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị Ng phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tại phiên tòa: Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Ng và anh Đoàn Mạnh T.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Mạnh T2 - Sinh ngày 31/5/2017 cho chị Phạm Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Ng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) theo biên lai số: 0002548, ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị Phạm Thị Ng đã nộp đủ số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện (2);
- CCTHADS huyện;
- UBND xã B, H B;
- Lưu HS-THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Hưng